

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19001197	Bùi Dương Quốc	An	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
2	19004435	Trần Thanh	An	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
3	19000166	Trần Thuận	An	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
4	19000868	Bùi Tuấn	Anh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
5	19001408	Lê Huyền	Bảo	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
6	19000682	Nguyễn Quốc	Bảo	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
7	19000562	Phan Thanh	Bình	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
8	19001194	Lê Việt	Hải	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
9	19000735	Đoàn Minh	Hiếu	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
10	19000451	Ngô Nguyễn Trung	Hiếu	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
11	19001424	Dương Duy	Khang	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
12	19001036	Nguyễn Hữu	Khôi	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
13	19000851	Dương Vô	Kỳ	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
14	19001099	Lê Hoàng	Lộc	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
15	19001007	Nguyễn Tấn	Lộc	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
16	19000910	Nguyễn Vũ Hữu	Lộc	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
17	19000847	Phạm Ngọc	Long	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
18	19000805	Tô Thành	Long	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
19	19000272	Phạm Thanh	Mai	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
20	19001222	Trần Nhật	Minh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
21	19000531	Nguyễn Phúc Hoài	Nam	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
22	19000359	Đoàn Hoài	Phong	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
23	19000298	Đoàn Thanh	Son	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
24	19001198	Lê Hoài	Thanh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
25	19002885	Nguyễn Mai Trường	Thịnh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
26	19001551	Đào Trung	Tín	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
27	19000260	Kuo Chánh	Trung	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
28	19001159	Nguyễn Trần Hoài	Trung	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
29	19001418	Nguyễn Đức	Tuấn	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
30	19000195	Trần Thái	Tuấn	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
31	19001325	Nguyễn Phú	Vinh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
32	19000832	Vũ Quang	Vinh	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
33	19001299	Tô Huỳnh Thanh	Vũ	19T4-CMT1	5,904,000	140,000	6,044,000	
				33				